



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN



an independent member of
**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	13 - 35
8. Phụ lục	36 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần thiết bị điện là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty TNHH một thành viên thiết bị điện theo Quyết định số 0466/QĐ-BCT ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3600253826 ngày 06 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 27 tháng 5 năm 2008 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 21 tháng 12 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

<i>Cổ đông</i>	<i>Vốn góp (VND)</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Cổ đông Nhà nước (Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam)	76.800.000.000	64,00
Công đoàn công ty	2.850.000.000	2,38
Nhân viên công ty	14.438.170.000	12,03
Cổ đông khác	25.911.830.000	21,59
Cộng	120.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : (84-61) 3 836 443 – 3 836 609

Fax : (84-61) 3 836 070

E-mail : thibidi@hcm.vnn.vn

Mã số thuế : 3 6 0 2 5 3 8 2 6

Các đơn vị trực thuộc:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty cổ phần thiết bị điện tại TP. Hồ Chí Minh	824 Trần Hưng Đạo, phường 7, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty cổ phần thiết bị điện tại Hà Nội	27 Lý Thái Tổ, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Hoạt động chính của Công ty là:

- Thiết kế, chế tạo, bán buôn và bán lẻ các loại máy biến thế, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư thiết bị điện cao hạ áp;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt thiết bị điện cao hạ áp;
- Thiết kế, thi công lắp đặt các công trình thiết bị điện;
- Cho thuê văn phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 35).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 12 tháng 3 năm 2011 và tạm chia cổ tức năm 2011 theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 11 tháng 11 năm 2011 như sau:

Trích lập các quỹ năm trước	15.896.000.000 VND
Chia cổ tức năm trước	18.000.000.000 VND
Tạm ứng cổ tức năm nay	21.600.000.000 VND
Cộng	55.496.000.000 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Kiến Thiết	Chủ tịch	29 tháng 12 năm 2009	-
Ông Lương Văn Trường	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2008	-
Ông Nguyễn Minh Cường	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2008	-
Ông Cao Hoàng Phát	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2008	-
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2008	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Thái Văn Đung	Trưởng ban	01 tháng 01 năm 2008	-
Ông Nguyễn Đức Trung	Thành viên	01 tháng 01 năm 2008	-
Bà Nguyễn Hồng Ngọc	Thành viên	01 tháng 01 năm 2008	-

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Thanh Nguyên	Giám đốc	01 tháng 01 năm 2008	-
Ông Lương Văn Trường	Phó Giám đốc	01 tháng 01 năm 2008	-
Ông Cao Hoàng Phát	Phó Giám đốc	01 tháng 01 năm 2008	-
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Phó Giám đốc	01 tháng 05 năm 2011	-
Ông Nguyễn Đức Bình	Phó Giám đốc	01 tháng 08 năm 2011	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

5-A102047
CÔNG
TRÁCH NHIỆM
KIỂM TOÁN
TƯ VẤN
V I TP HỒ

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần thiết bị điện tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Ngô Thanh Nguyên
Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2012



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0195/2012/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm 2011 của Công ty cổ phần thiết bị điện gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 17 tháng 02 năm 2012, từ trang 06 đến trang 35 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên

Số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt cuối năm nay với số tiền là 4.485.907.461 VND (số cuối năm trước là 4.968.489.818 VND) được trình bày ở chỉ tiêu "Các khoản phải thu khác" (thuyết minh số V.5).

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần thiết bị điện tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0197/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		588.144.608.052	563.932.880.263
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	66.554.425.736	126.335.794.472
1. Tiền	111		26.554.425.736	35.335.794.472
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000.000	91.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.582.416.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	3.582.416.000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		141.856.073.864	80.257.615.812
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	107.931.228.376	63.950.196.015
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	35.089.606.544	17.134.928.399
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	10.301.551.332	9.673.496.790
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.6	(11.466.312.388)	(10.501.005.392)
IV. Hàng tồn kho	140		373.940.307.890	354.684.514.379
1. Hàng tồn kho	141	V.7	373.940.307.890	359.614.293.363
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(4.929.778.984)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.211.384.562	2.654.955.600
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		96.000.000	62.370.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	1.084.940.895
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	2.115.384.562	1.507.644.705

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		98.989.252.565	102.684.794.020
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		61.089.572.910	69.318.428.329
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	60.960.407.744	68.503.026.663
<i>Nguyên giá</i>	222		159.131.251.867	151.908.800.112
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(98.170.844.123)	(83.405.773.449)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	129.165.166	815.401.666
<i>Nguyên giá</i>	228		483.137.200	1.148.475.200
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(353.972.034)	(333.073.534)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		32.442.259.111	29.470.504.871
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	31.440.259.111	28.468.504.871
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	1.002.000.000	1.002.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.457.420.544	3.895.860.820
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	5.457.420.544	3.895.860.820
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		687.133.860.617	666.617.674.283

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		499.180.532.654	479.742.166.105
I. Nợ ngắn hạn		310		498.000.035.414	478.734.722.654
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.14	370.390.980.848	307.087.701.201
2. Phải trả người bán		312	V.15	33.782.643.489	93.732.939.803
3. Người mua trả tiền trước		313	V.16	11.060.080.015	22.194.101.536
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.17	17.957.131.880	12.100.467.401
5. Phải trả người lao động		315	V.18	34.630.374.636	35.017.249.473
6. Chi phí phải trả		316	V.19	10.823.011.746	4.701.744.231
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.20	19.355.812.800	3.900.519.009
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.21	-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
II. Nợ dài hạn		320		1.180.497.240	1.007.443.451
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336	V.22	1.180.497.240	731.265.451
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	276.178.000
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		187.953.327.963	186.875.508.178
I. Vốn chủ sở hữu		410		187.953.327.963	186.875.508.178
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.23	120.000.000.000	120.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	V.23	1.549.860.247	1.549.860.247
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417	V.23	6.139.475.142	3.693.475.136
8. Quỹ dự phòng tài chính		418	V.23	11.266.852.793	6.373.852.793
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.23	48.997.139.782	55.258.320.002
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		687.133.860.617	666.617.674.283

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-		-	
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-		-	
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-		-	
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-		-	
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		138.707,92		157.775,89	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-		-	

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng

Biên Hoà, ngày 17 tháng 02 năm 2012



Ngô Thanh Nguyên
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Năm 2011**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.220.652.738.753	1.011.530.387.219
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.220.652.738.753	1.011.530.387.219
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.019.077.603.363	850.654.521.552
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		201.575.135.390	160.875.865.667
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	13.745.838.759	11.969.826.521
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	56.195.669.686	37.280.010.334
Trong đó: chi phí lãi vay	23		50.188.720.160	34.502.911.349
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	50.684.307.442	39.541.432.311
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	41.397.287.060	31.529.917.769
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		67.043.709.961	64.494.331.774
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.135.429.584	294.391.949
12. Chi phí khác	32	VI.8	799.979.826	12.798.829
13. Lợi nhuận khác	40		335.449.758	281.593.120
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		67.379.159.719	64.775.924.894
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	17.851.601.675	15.839.420.070
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>49.527.558.044</u>	<u>48.936.504.824</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>-</u>	<u>-</u>

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng



Biên Hòa, ngày 17 tháng 02 năm 2012

Ngô Thanh Nguyên
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		67.379.159.719	64.775.924.894
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, V.10	14.785.969.174	11.762.659.102
- Các khoản dự phòng	03		(3.964.471.988)	5.282.164.384
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(324.292.463)	(731.955.328)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7		
		VI.8	(11.819.106.878)	(9.866.511.310)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	50.188.720.160	34.502.911.349
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		116.245.977.724	105.725.193.091
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(62.483.969.882)	14.124.805.690
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(14.326.014.527)	(47.582.288.322)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(62.854.276.343)	22.961.853.589
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.595.189.724)	3.137.438.508
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.19, VI.4	(47.213.376.382)	(34.310.351.412)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.17	(16.460.358.182)	(16.249.105.066)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		(4.315.722)	592.034.968
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(8.717.951.157)	(7.610.617.433)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(97.409.474.195)	40.788.963.613
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.10	(7.345.301.755)	(25.156.355.662)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	800.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(3.582.416.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.11	(2.971.754.240)	(18.268.504.871)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	11.683.238.845	9.618.115.477
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.416.233.150)	(33.806.745.056)

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.14	683.714.431.200	646.834.944.009
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.14	(620.347.524.073)	(620.023.717.490)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.23	(24.173.752.814)	(2.586.628.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		39.193.154.313	24.224.597.719
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(59.632.553.032)	31.206.816.276
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	126.335.794.472	95.039.361.490
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(148.815.704)	89.616.706
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	66.554.425.736	126.335.794.472

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng

Biên Hoà, ngày 17 tháng 02 năm 2012



Ngô Thanh Nguyên
Giám đốc

TỶ
ÂN
ĐIỆN
ĐỒ

0204

CÔNG
CHÍNH
THẨM
TƯ

TP

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Thiết kế, chế tạo, bán buôn và bán lẻ các loại máy biến thế, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư thiết bị điện cao hạ áp, dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt thiết bị điện cao hạ áp, thiết kế, thi công lắp đặt các công trình thiết bị điện.
- 4. Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 555 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 522 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.



448-

CÔNG TY
CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN
BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CH

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	06 - 25

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con và các tổ chức kinh tế khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 02 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả cho người lao động thôi việc, mất việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty. Tỷ lệ trích lập được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
31/12/2011 : 20.828 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	133.201.083	139.123.117
Tiền gửi ngân hàng	26.421.224.653	35.196.671.355
Các khoản tương đương tiền (*)	40.000.000.000	91.000.000.000
Cộng	66.554.425.736	126.335.794.472

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

Cho Thibidi (Cambodia) Co.,Ltd. vay với lãi suất 3,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	26.686.674.007	-
Tổng Công ty điện lực Miền Nam	20.482.175.680	-
Thibidi (Cambodia) Co., Ltd.	12.169.696.260	-
Tổng Công ty điện lực TP. Hồ Chí Minh	11.003.540.900	-
Công ty TNHH xây dựng điện Sóng Thần	2.873.531.549	3.014.331.549
XNTD Tân Trường Sơn	2.772.791.898	5.379.653.577
Công ty TNHH một thành viên Minh Vàng	2.728.652.811	1.174.056.820
Công ty TNHH xây dựng Hải Long	2.511.834.934	2.511.834.934
Công ty cổ phần công trình Việt Nguyên	2.311.686.134	1.104.308.508
Công ty điện lực Đồng Nai	1.996.560.665	1.115.716.121
Công ty điện lực Bà Rịa - Vũng Tàu	1.989.783.850	1.291.830.100
Công ty điện lực Phú Yên	1.618.116.500	1.541.747.400
Công ty điện lực Sóc Trăng	1.408.176.000	353.316.700
Công ty cổ phần điện cơ Hà Nội	1.283.568.490	528.019.632
Các khách hàng khác	16.094.438.698	45.935.380.674
Cộng	107.931.228.376	63.950.196.015

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hyosung Corporation	9.513.313.968	7.908.615.816
Marubeni Itochu Steel Inc	-	6.734.803.418
GE Pacific Pte Ltd.	1.731.285.844	148.605.977
Công ty cổ phần Ngô Han	18.229.714.800	-
Các nhà cung cấp khác	5.615.291.932	2.342.903.188
Cộng	35.089.606.544	17.134.928.399

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt	4.485.907.461	4.968.489.818
Phải thu Công đoàn tiền vay mượn cổ phần	2.079.125.578	2.033.126.755
Thuế thu nhập cá nhân phải thu lại người lao động	3.310.747.556	2.019.101.641
Lãi tiền gửi dự thu	372.451.866	248.395.833
Phải thu khác	53.318.871	404.382.743
Cộng	10.301.551.332	9.673.496.790

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	10.501.005.392
Trích lập dự phòng bổ sung	965.306.996
Số cuối năm	11.466.312.388

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi đường	741.185.208	463.341.768
Nguyên liệu, vật liệu	197.307.045.461	209.727.762.418
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	43.339.008.828	44.857.093.737
Thành phẩm	128.782.844.225	104.566.095.440
Hàng gửi đi bán	3.770.224.168	-
Cộng	373.940.307.890	359.614.293.363

Toàn bộ hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (xem thuyết minh số V.14).

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	1.815.710.753	1.130.773.216
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	68.545.675	196.017.055
Tài sản thiếu chờ xử lý	231.128.134	180.854.434
Cộng	2.115.384.562	1.507.644.705

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	51.520.219.258	84.197.370.549	11.202.782.636	4.988.427.669	151.908.800.112
Mua sắm mới	550.791.300	3.496.182.799	2.209.545.455	965.932.201	7.222.451.755
Số cuối năm	52.071.010.558	87.693.553.348	13.412.328.091	5.954.359.870	159.131.251.867
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.520.692.574	43.246.916.471	4.567.876.834	2.639.189.203	51.974.675.082
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	21.708.377.365	50.981.656.528	6.796.113.163	3.919.626.393	83.405.773.449
Khấu hao trong năm	3.212.596.875	9.451.757.941	1.293.985.385	806.730.473	14.765.070.674
Số cuối năm	24.920.974.240	60.433.414.469	8.090.098.548	4.726.356.866	98.170.844.123
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	29.811.841.893	33.215.714.021	4.406.669.473	1.068.801.276	68.503.026.663
Số cuối năm	27.150.036.318	27.260.138.879	5.322.229.543	1.228.003.004	60.960.407.744
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Chi phí đền bù	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	788.188.000	340.224.725	20.062.475	1.148.475.200
Mua sắm mới	-	122.850.000	-	122.850.000
Thanh lý, nhượng bán	(788.188.000)	-	-	(788.188.000)
Số cuối năm	-	463.074.725	20.062.475	483.137.200
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	256.630.725	20.062.475	276.693.200
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	313.011.059	20.062.475	333.073.534
Khấu hao trong năm	-	20.898.500	-	20.898.500
Số cuối năm	-	333.909.559	20.062.475	353.972.034
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	788.188.000	48.112.166	-	836.300.166
Số cuối năm	-	129.165.166	-	129.165.166
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

11. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi ⁽ⁱ⁾	1.632.000	16.320.000.000	1.632.000	16.320.000.000
Thibidi (Cambodia) Co.,Ltd. ⁽ⁱⁱ⁾	-	15.120.259.111	-	12.148.504.871
Cộng		31.440.259.111		28.468.504.871

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000548 ngày 27 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi 16.320.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 385/BKH-ĐTRNN ngày 01 tháng 9 năm 2010 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Thibidi (Cambodia) Co.,Ltd. USD 765,000 tương đương 63,75% vốn điều lệ.

12. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư cổ phiếu Công ty cổ phần điện cơ Hà Nội với số cổ phần Công ty đang sở hữu là 100.000 cổ phần.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Số đầu năm	3.895.860.820
Tăng trong năm	5.468.052.813
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(3.906.493.089)
Số cuối năm	5.457.420.544

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	338.293.200.155	255.239.227.395
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hòa^(a)</i>	252.942.756.821	241.032.353.886
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai^(b)</i>	85.350.443.335	14.206.873.509
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	32.097.780.693	51.848.473.806
<i>Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam^(c)</i>	30.520.000.000	49.000.000.000
<i>Các cá nhân khác^(d)</i>	1.577.780.693	2.848.473.806
Cộng	370.390.980.848	307.087.701.201

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa với lãi suất từng thời điểm nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7 và V.9).
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7).
- (c) Khoản vay Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam với lãi suất từ 14 – 15%/năm tùy theo thời điểm trong năm.
- (d) Khoản vay các cá nhân khác với lãi suất 13,5 – 15%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	255.239.227.395	661.592.870.228	(578.475.269.988)	(63.627.480)	338.293.200.155
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	51.848.473.806	22.121.560.972	(41.872.254.085)	-	32.097.780.693
Cộng	307.087.701.201	683.714.431.200	(620.347.524.073)	(63.627.480)	370.390.980.848

15. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	26.690.057.317	74.011.647.963
Công ty TNHH thương mại Thái Hà	812.369.250	1.083.757.400
Công ty TNHH sản xuất thương mại Ngọc Tư	770.880.000	345.330.000
Công ty TNHH sản xuất thương mại thép Toàn Thiên	649.980.056	1.282.504.600
Rusteel Trading Limited	285.260.288	13.625.776.904
Các nhà cung cấp khác	4.574.096.578	3.383.922.936
Cộng	33.782.643.489	93.732.939.803

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH thương mại và xây lắp công nghiệp Sài Gòn	2.391.205.005	3.498.694.441
Công ty TNHH xây dựng thương mại điện Quang Phát	709.415.520	-
Công ty TNHH thương mại xây dựng điện Hữu Phát	683.251.760	536.426.230
Công ty TNHH thương mại xây dựng điện Phan An	662.187.103	603.235.872
Công ty TNHH xây dựng điện Miền Nam	515.320.910	213.062.250
Các khách hàng khác	6.098.699.717	17.342.682.743
Cộng	11.060.080.015	22.194.101.536

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.786.327.280	18.962.932.840	(14.545.416.856)	10.203.843.264
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	9.397.963.040	(9.397.963.040)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	620.398.535	(620.398.535)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.314.140.121	17.851.601.675	(16.460.358.182)	7.705.383.614
Thuế thu nhập cá nhân (*)	(1.084.940.895)	5.394.310.012	4.261.464.115	47.905.002
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Cộng	11.015.526.506	52.231.206.102	(36.766.672.498)	17.957.131.880

(*) Thuế nộp thừa đầu năm được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	67.379.159.719	64.775.924.895
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	15.246.372.042	4.125.031.147
- Các khoản điều chỉnh giảm	(18.933.187.322)	(5.543.275.760)

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Tổng thu nhập chịu thuế	63.692.344.439	63.357.680.282
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	15.923.086.110	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	1.928.515.565	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	17.851.601.675	15.839.420.070

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Phải trả người lao động

Đơn giá tiền lương năm 2011 được thực hiện theo Quyết định số 293/QĐ-TBĐ ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thiết bị điện căn cứ vào đơn giá theo sản lượng sản phẩm hoàn thành nhập kho trong năm.

19. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng	4.411.664.077	2.588.787.969
Chi phí lãi vay	4.091.124.076	1.115.780.298
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh	2.320.223.593	997.175.964
Cộng	10.823.011.746	4.701.744.231

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	1.139.273.242	1.432.394.548
Kinh phí công đoàn	1.283.317.828	1.184.008.445
Cổ tức phải trả	15.636.627.944	210.380.758
Kinh phí hoạt động Đảng	1.154.871.681	879.009.805
Các khoản phải trả khác	141.722.105	194.725.453
Cộng	19.355.812.800	3.900.519.009

21. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	731.265.451
Số trích lập trong năm	590.290.139
Số chi trong năm	(141.058.350)
Số cuối năm	1.180.497.240

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	(4.460.033.343)	5.771.333.333	(6.759.162.940)	(5.447.862.950)
Quỹ phúc lợi	(508.456.475)	2.785.666.667	(1.315.254.703)	961.955.489
Cộng	(4.968.489.818)	8.557.000.000	(8.074.417.643)	(4.485.907.461)

Số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt được trình bày ở chỉ tiêu "Các khoản phải thu khác" (xem thuyết minh V.5).

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm trang 36.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	18.210.380.758
Tạm ứng cổ tức	5.963.372.056
Cộng	24.173.752.814

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	1.133.658.557.749	1.001.562.170.581
Doanh thu bán vật tư	86.785.552.368	9.300.094.240
Doanh thu dịch vụ	208.628.636	-
Doanh thu phế liệu	-	668.122.398
Cộng	1.220.652.738.753	1.011.530.387.219

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp (*)	940.290.845.439	838.916.067.649
Giá vốn của vật tư đã cung cấp	83.705.112.334	6.808.674.919
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp (*)	11.424.574	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.929.778.984)	4.929.778.984
Cộng	1.019.077.603.363	850.654.521.552

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**(*)** Giá vốn của thành phẩm và dịch vụ đã cung cấp trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	865.925.862.104	808.402.726.166
Chi nhân công trực tiếp	34.080.490.777	34.149.778.648
Chi phí sản xuất chung	59.874.510.976	63.627.624.239
Tổng chi phí sản xuất	959.880.863.857	906.180.129.053
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.518.084.909	(1.663.522.323)
Tổng giá thành sản xuất	961.398.948.766	904.516.606.730
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(24.216.748.785)	(67.397.084.081)
Thành phẩm nhập khác	6.890.294.200	1.796.545.000
Hàng gửi đi bán	(3.770.224.167)	-
Giá vốn của thành phẩm và dịch vụ đã cung cấp	940.302.270.013	838.916.067.649

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.159.294.878	5.786.511.310
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.614.251.418	1.335.292.357
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.648.000.000	4.080.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	324.292.463	731.955.328
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	36.067.526
Cộng	13.745.838.759	11.969.826.521

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	50.188.720.160	34.502.911.349
Lãi mua hàng trả chậm	-	2.257.447.836
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.777.181.152	519.651.149
Chi phí khác	229.768.374	-
Cộng	56.195.669.686	37.280.010.334

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	7.291.192.805	3.369.713.064
Chi phí khấu hao tài sản cố định	433.783.928	549.740.531
Chi phí chiết khấu bán hàng	28.721.013.177	23.894.658.069
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.138.458.587	3.151.094.170
Chi phí khác	10.099.858.945	8.576.226.477
Cộng	50.684.307.442	39.541.432.311

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	13.196.718.700	12.118.479.554
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.317.163.295	1.227.306.699
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.239.580.168	2.044.408.146
Thuế, phí và lệ phí	4.269.135.551	1.707.904.056
Chi phí dự phòng	965.306.996	352.385.400
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	3.420.163.729	3.263.892.713
Chi phí khác	15.989.218.621	10.815.541.201
Cộng	41.397.287.060	31.529.917.769

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	800.000.000	-
Các khoản nợ không xác định được chủ	210.544.237	-
Thu nhập khác	124.885.347	294.391.949
Cộng	1.135.429.584	294.391.949

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	788.188.000	-
Chi phí khác	11.791.826	12.798.829
Cộng	799.979.826	12.798.829

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 về "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	871.674.809.913	815.291.781.124
Chi phí nhân công	76.791.868.659	71.911.127.965
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.785.969.174	11.762.659.102
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.129.277.233	10.282.167.989
Chi phí khác	78.580.533.380	68.003.742.952
Cộng	1.051.962.458.359	977.251.479.132

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.5 đến VII.9 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 1.296.280.400 VND (năm trước là 1.090.390.336 VND)

Trong năm, thành viên Ban Giám đốc có cho Công ty vay tiền. Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư tiền vay thành viên Ban Giám đốc là 700.000.000 VND.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam	Cổ đông Nhà nước nắm giữ 64% cổ phần
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	Công ty con
Thibidi (Cambodia) Co.,Ltd.	Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam		
Tiền vay phát sinh trong năm	11.520.000.000	-
Lãi vay phải trả trong năm	7.330.344.445	5.439.833.333
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi		
Bán hàng	153.183.855.990	49.223.070.962
Mua vật tư	686.667.548.550	579.650.339.457
Cổ tức nhận được	6.528.000.000	3.960.000.000
Cho thuê văn phòng	180.000.000	120.000.000
Thibidi (Cambodia) Co.,Ltd.		
Bán hàng	28.977.555.362	-
Tiền cho vay	3.582.416.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi		
Phải thu tiền bán hàng	26.686.674.007	-
Thibidi (Cambodia) Co.,Ltd.		
Phải thu tiền bán hàng	12.169.696.260	-
Phải thu tiền cho vay	3.582.416.000	-
Cộng nợ phải thu	42.438.786.267	-
Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam		
Tiền vay phải trả	30.520.000.000	49.000.000.000
Tiền lãi vay phải trả	2.990.900.000	530.833.333
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi		
Phải trả tiền mua vật tư	26.354.755.605	74.011.647.963
Hoa hồng đại lý phải trả	335.301.712	271.811.089
Cộng nợ phải trả	60.200.957.317	123.814.292.385

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp, với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất máy biến thế 1 pha
- Lĩnh vực sản xuất máy biến thế 3 pha
- Các lĩnh vực khác.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở phụ lục 02 đính kèm từ trang 37 đến trang 39.

Khu vực địa lý

Hầu hết hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê đất và phí sử dụng hạ tầng sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	319.545.431	293.005.299
Trên 01 năm đến 05 năm	1.278.181.724	1.172.021.195
Trên 05 năm	10.961.721.480	10.344.291.176
Cộng	12.559.448.634	11.809.317.670

Công ty thuê 34.994,9 m² đất dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2001 đến ngày 12 tháng 4 năm 2051 và có khả năng được gia hạn thêm. Giá thuê đất là 800 đồng/m²/năm và phí sử dụng hạ tầng là 0,4 USD/m²/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.554.425.736	126.335.794.472	66.554.425.736	126.335.794.472
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.002.000.000	1.002.000.000	1.002.000.000	1.002.000.000
Phải thu khách hàng	96.464.915.988	53.449.190.623	96.464.915.988	53.449.190.623
Các khoản cho vay	3.582.416.000	-	3.582.416.000	-
Các khoản phải thu khác	7.931.028.433	6.212.651.677	7.931.028.433	6.212.651.677
Cộng	175.534.786.157	186.999.636.772	175.534.786.157	186.999.636.772
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	33.782.643.489	93.732.939.803	33.782.643.489	93.732.939.803
Vay và nợ	370.390.980.848	307.087.701.201	370.390.980.848	307.087.701.201
Phải trả người lao động	34.630.374.636	35.017.249.473	34.630.374.636	35.017.249.473
Chi phí phải trả	10.823.011.746	4.701.744.231	10.823.011.746	4.701.744.231
Các khoản phải trả khác	20.536.310.040	4.631.784.460	20.536.310.040	4.631.784.460
Cộng	470.163.320.759	445.171.419.168	470.163.320.759	445.171.419.168

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp hàng tồn kho và tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.7 và V.9). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối năm		
Hàng tồn kho	373.940.307.890	
Tài sản cố định hữu hình	60.960.407.744	
Cộng	434.900.715.634	
Số đầu năm		
Hàng tồn kho	354.684.514.379	
Tài sản cố định hữu hình	68.503.026.663	
Cộng	423.187.541.042	

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

7. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho công ty con vay tiền. Công ty đánh giá khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến công ty con có khả năng thanh toán tốt.

8. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	33.782.643.489	-	-	33.782.643.489
Vay và nợ	370.390.980.848	-	-	370.390.980.848
Phải trả người lao động	34.630.374.636	-	-	34.630.374.636
Chi phí phải trả	10.823.011.746	-	-	10.823.011.746
Các khoản phải trả khác	19.355.812.800	1.180.497.240	-	20.536.310.040
Cộng	468.982.823.519	1.180.497.240	-	470.163.320.759
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	93.732.939.803	-	-	93.732.939.803
Vay và nợ	307.087.701.201	-	-	307.087.701.201
Phải trả người lao động	35.017.249.473	-	-	35.017.249.473
Chi phí phải trả	4.701.744.231	-	-	4.701.744.231
Các khoản phải trả khác	3.900.519.009	731.265.451	-	4.631.784.460
Cộng	444.440.153.717	731.265.451	-	445.171.419.168

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

9. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện chủ yếu bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi như sau:

	Thay đổi lãi suất (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Năm nay		
Tăng	+ 2	(5.502.128.473)
Giảm	- 2	5.502.128.473
Năm trước		
Tăng	+ 2	(4.606.315.518)
Giảm	- 2	4.606.315.518

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

10. Thông tin so sánh

Năm nay Công ty trình bày lại số dư đầu năm của Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt (mã số 323) với số tiền là 4.968.489.818 VND sang chỉ tiêu "Các khoản phải thu khác" (mã số 138).

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng



Biên Hòa, ngày 17 tháng 02 năm 2012

Ngô Thanh Nguyên
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	1.549.860.247	-	1.473.402.691	20.984.144.537	144.007.407.475
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	48.936.504.824	48.936.504.824
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	3.693.475.136	4.900.450.102	(11.956.874.690)	(3.362.949.452)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.400.000.000)	(2.400.000.000)
Chi thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(120.000.000)	(120.000.000)
Chi khác từ lợi nhuận	-	-	-	-	(185.454.669)	(185.454.669)
Số dư cuối năm trước	120.000.000.000	1.549.860.247	3.693.475.136	6.373.852.793	55.258.320.002	186.875.508.178
Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	1.549.860.247	3.693.475.136	6.373.852.793	55.258.320.002	186.875.508.178
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	49.527.558.044	49.527.558.044
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	2.446.000.000	4.893.000.000	(15.896.000.000)	(8.557.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(39.600.000.000)	(39.600.000.000)
Chi thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(288.000.000)	(288.000.000)
Chi khác từ lợi nhuận	-	-	-	-	(4.738.264)	(4.738.264)
Số dư cuối năm nay	120.000.000.000	1.549.860.247	6.139.475.136	11.266.852.793	48.997.139.782	187.953.327.958

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng



Biên Hòa, ngày 17 tháng 02 năm 2012

Ngô Thanh Nguyên
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Máy biến áp 1 pha	Máy biến áp 3 pha	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	320.518.082.852	815.236.572.695	84.898.083.206	1.220.652.738.753
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	320.518.082.852	815.236.572.695	84.898.083.206	1.220.652.738.753
Chi phí bộ phận	254.041.759.694	681.319.306.761	83.716.536.908	1.019.077.603.363
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	66.476.323.158	133.917.265.934	1.181.546.298	201.575.135.390
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(92.081.594.502)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				109.493.540.888
Doanh thu hoạt động tài chính				13.745.838.759
Chi phí tài chính				(56.195.669.686)
Thu nhập khác				1.135.429.584
Chi phí khác				(799.979.826)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(17.851.601.675)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				49.527.558.044
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	237.871.353.234	757.372.020.267	16.287.013.718	1.011.530.387.219
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	237.871.353.234	757.372.020.267	16.287.013.718	1.011.530.387.219
Chi phí bộ phận	200.039.805.757	636.918.022.115	13.696.693.680	850.654.521.552
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	37.831.547.477	120.453.998.152	2.590.320.038	160.875.865.667
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(71.071.350.080)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				89.804.515.587
Doanh thu hoạt động tài chính				11.969.826.521
Chi phí tài chính				(37.280.010.334)
Thu nhập khác				294.391.949
Chi phí khác				(12.798.829)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(15.839.420.070)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				48.936.504.824
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng

Biên Hòa, ngày 17 tháng 02 năm 2012

Ngô Thanh Nguyên
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Máy biến áp 1 pha	Máy biến áp 3 pha	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
phận	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				687.133.860.617
Tổng tài sản				687.133.860.617
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				499.180.532.654
Tổng nợ phải trả				499.180.532.654
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				661.649.184.465
Tổng tài sản				661.649.184.465
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				474.773.676.287
Tổng nợ phải trả				474.773.676.287

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng

Biên Hòa, ngày 17 tháng 02 năm 2012

Ngô Thanh Nguyên
Giám đốc

